TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2024/DS-ST
Ngày:27-03-2024
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Ánh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải
Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2023/TLST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 294 ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S(S1)**

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường H, quận C, TP .;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Vân T; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch chợ C. *(Theo giấy quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số3272/2022/QĐ-PL ngày 16/12/2022).*

Bà Huỳnh Nguyễn Vân T1 quyền lại cho ông Phạm Gia L, chức vụ: Chuyên viên khách hàng; Địa chỉ: B Ông Í, quận H, thành phố Đà Nẵng(*Theo giấy uỷ quyền số 24/2024/UQ-PGDCC) ngày 01/3/2024).* (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1980; Địa chỉ: B Dũng S, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2023, bản tự khai ngày 27/3/2024 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Gia L trình bày:

Ngày 28/7/2017, Ông Trần Văn H1 ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với S1, căn cứ thu nhập của ông H Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng*) với lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn 3,75%/tháng (2,5%x150%) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông H2 thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 31/7/2017 ông H2 thanh toán cho Ngân hàng với số tiền là 300.000 đồng. Trong đó: Phí trễ hạn: 0 đồng, lãi: 0 đồng và phí khác: 0 đồng và gốc 300.000 đồng.

Đến ngày 01/7/2017 ông H3 phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 02 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng ký kết. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, S1 yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết buộc ông H phải thanh toán ngay cho S1 số tiền nợ tạm tính đến ngày 18/7/2023 là 65.372.230 đồng, trong đó: Nợ gốc: 14.700.000 đồng; Phí trễ hạn: 713.138 đồng; Lãi trong hạn: 1.655.349 đồng; Phí vượt hạn mức 200.000 đồng; Phí thường niên: 299.000 đồng; Lãi quá hạn: 47.804.743 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày số tiền nợ của ông Trần Văn H4 đến 27/3/2024 là 70.949.816 đồng, trong đó: Nợ gốc: 14.700.000 đồng; Phí trễ hạn: 713.138 đồng; Lãi trong hạn: 1.655.349 đồng; Phí vượt hạn mức 200.000 đồng; Phí thường niên: 299.000 đồng; Lãi quá hạn: 53.382.329 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn H5 dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo hòa giải và thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ nhưng ông H vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng pháp luật Tố tụng dân sự .

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019

hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S1buộc ông Trần Văn H6 thanh toán cho S1số tiền tính đến 27/3/2024 là 70.949.816 đồng, trong đó: Nợ gốc: 14.700.000 đồng; Phí trễ hạn: 713.138 đồng; Lãi trong hạn: 1.655.349 đồng; Phí vượt hạn mức 200.000 đồng; Phí thường niên: 299.000 đồng; Lãi quá hạn: 53.382.329 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ 28 tháng 3 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền trên thì ông H phải trả lãi quá hạn trên số dư nợ gốc theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã ký kết và theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại Kết quả xác minh ngày 15/12/2023 tại Công an phường T, thành phố Đ nhận: Ông Trần Văn H7 năm 1980 không có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ B Dũng S, quận T, thành phố Đ cũng không cư trú tại số A, phường T, quận T, thành phố Đà NẵngÔng T không có tại địa chỉ trên, đi đâu, làm gì không rõ. Bị đơn đã thay đổi nơi cư trú ghi trong hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư mới. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ. Trong trường hợp này, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho Bị đơn là có cơ sở theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Bị đơn là ông Trần Văn H8 được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 28 tháng 02 năm 2017, ông Trần Văn H1 ký với S1 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn 3.75%/tháng (2,5% x 150%) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, đến ngày 01 tháng 07 năm 2017 ông Trần Văn H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 02 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp nhưng ông H9 chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, S1 khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Trần Văn H6 thanh toán số tiền tính đến ngày 27/3/2024 là 70.949.816 đồng, trong đó: Nợ gốc: 14.700.000 đồng; Phí trễ hạn: 713.138 đồng; Lãi trong hạn: 1.655.349 đồng; Phí vượt hạn mức 200.000 đồng; Phí thường niên: 299.000 đồng; Lãi quá hạn: 53.382.329 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, S1 thay đổi nội dung khởi kiện về số tiền nợ lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì thấy: Căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" được phê duyệt ngày 28 tháng 2 năm 2017 giữa S1 với ông Trần Văn H; "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1(đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 21tháng 9 năm 2015"; Quyết định số 4220/2016/QĐ-TTT ngày 23/12/2016 về việc Ban hành Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1phát hành tại Việt Nam của S1Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định S1 có cho ông Trần Văn H10 tổng số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,5 %/tháng, lãi suất quá hạn 3.75%/tháng (2,5% x 150%), với mục đích tiêu dùng cá nhân thỏa thuận theo các văn bản đã nêu trên. Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên khi ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc ông Trần Văn H phải thanh toán cho S1số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2024 là 70.949.816 đồng, trong đó: Nợ gốc: 14.700.000 đồng; Phí trễ hạn: 713.138 đồng; Lãi trong hạn: 1.655.349 đồng; Phí vượt hạn mức 200.000 đồng; Phí thường niên: 299.000 đồng; Lãi quá hạn: 53.382.329 đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - Ông Trần Văn H6 chịu án phí dân sự sơ thẩm: 70.949.816 đồng x 5% ~ 3.547.490 đồng.

[5] Hoàn trả cho S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-

HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP S với ông Trần Văn H11

Buộc Ông Trần Văn H6 thanh toán cho Ngân hàng TMCS Ssố tiền tạm tính đến ngày 27/3/2024 là 70.949.816 đồng, trong đó: Nợ gốc: 14.700.000 đồng; Phí trễ hạn: 713.138 đồng; Lãi trong hạn: 1.655.349 đồng; Phí vượt hạn mức 200.000 đồng; Phí thường niên: 299.000 đồng; Lãi quá hạn: 53.382.329 đồng.

Kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2024, ông Trần Văn H còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S với lãi suất theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" được phê duyệt ngày 28 tháng 02 năm 2017 giữa Ngân hàng TMCP S ông Trần Văn H12 "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S(đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2015" tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 3.547.490 đồng (*Ba triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi đồng)* ông Trần Văn H6 chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCS Ssố tiền tạm ứng án phí 1.634.306 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm lẻ sáu đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0002241 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Ánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**